TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 43/2022/HS-ST Ngày 27-5-2022	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Đức Trí

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Hiệp;

Ông Lê Hùng Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 29/2022/TLST-HS ngày 20 tháng 04 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2022/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2022, Quyết định thay đổi Hội thẩm nhân dân số 72/2022/QĐ-TA ngày 25 tháng 5 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Mông Văn T, sinh ngày 12 tháng 6 năm 1993 tại huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do, là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam đã đình chỉ sinh hoạt đảng; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mông Văn C và bà Lý Thị S; có vợ là Đàm Thị B và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23-11-2021 đến nay, có mặt;

2. Phùng Văn B, sinh ngày 15 tháng 5 năm 1988 tại huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Văn D và bà Nông Thị C; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23-11-2021 đến nay, có mặt;

3. Trần Xuân H, sinh ngày 01 tháng 9 năm 1982 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn L, xã B, huyện S, tỉnh Tuyên

Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Sán Chỉ; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn N (đã chết) và bà Nịnh Thị Q; sống chung như vợ chồng với Nguyễn Thị L, Ma Thị D (theo bị cáo khai không đăng ký kết hôn, đã bỏ nhau); có 02 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 99/2009/HSST ngày 04/12/2009 của Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang xử phạt bị cáo 03 năm tù về tội Cố ý gây thương tích; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23-11-2021 đến nay, có mặt;

4. Vy Văn H, sinh ngày 01 tháng 6 năm 1994 tại huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam, con ông Vy Viết L và bà Phương Thị M; vợ (theo bị cáo khai sống chung như vợ chồng với Hà Thị T không đăng ký kết hôn từ 2019), con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24-11-2021 đến nay, có mặt;

5. Vi Văn T, sinh ngày 03 tháng 5 năm 1998 tại huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 04/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam, con ông Hoàng Văn N và bà Vi Thị B; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không có; tiền sự: Tại Quyết định số 30/QĐ-TA ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc 16 tháng (chấp hành xong ngày 05-9-2021); nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử lý kỷ luật; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27-11-2021 đến nay, có mặt;

6. Đàm Văn N, sinh ngày 05 tháng 2 năm 1996 tại huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn B, xã T1, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam, con ông Đàm Văn B và bà Vy Thị S; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị tạm giam từ ngày 03-12-2021 đến nay, có mặt;

- *Người tham gia tố tụng khác:* Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng V. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân Trí Q. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đường T, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 6-2021, Mông Văn T sang P, B, Quảng Tây, Trung Quốc bốc vác hàng hóa thuê và quen biết một người đàn ông Trung Quốc tên A C

(không biết họ, địa chỉ, làm nghề lái xe chở hàng), hai người cho nhau số điện thoại để liên hệ. Khoảng 09 giờ ngày 21-11-2021, Mông Văn T nhận được cuộc gọi của A C đặt vấn đề thuê đón 03 - 04 người Trung Quốc ở khu vực Cửa khẩu T đưa xuất cảnh trái phép về Trung Quốc, Mông Văn T đồng ý nhưng lúc này chưa trao đổi cụ thể về thời gian và tiền công. Sau đó, Mông Văn T gọi điện trao đổi với Trần Xuân H rủ cùng tham gia, Trần Xuân H đồng ý, Mông Văn T nói khi nào khách đến sẽ thông báo sau. Đến 18 giờ cùng ngày, A Cố tiếp tục gọi điện cho Mông Văn T thông báo tối ngày 22-11-2021 đón 06 người Trung Quốc từ sân bóng thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn đưa xuất cảnh trái phép về Trung Quốc theo đường mòn mốc 1092, tiền công là 4.000.000 đồng/người khách, khi nào khách Trung Quốc đến sẽ thông báo, Mông Văn T đồng ý.

Khoảng 19 giờ, Mông Văn T gọi điện thoại cho Phùng Văn B trao đổi hiện đang có người thuê đưa 06 người Trung Quốc từ sân bóng thôn B xuất cảnh trái phép về Trung Quốc bằng đường đồi, tiền công là 24.000.000 đồng, khi nào khách Trung Quốc đến sẽ thông báo và bảo Phùng Văn B sắp xếp người cùng đưa những người Trung Quốc xuất cảnh trái phép về Trung Quốc, khi giao người xong thì người đón phía Trung Quốc sẽ trả 24.000.000 đồng tiền công, đem về đưa cho Mông Văn T 6.000.000 đồng, số tiền còn lại Phùng Văn B và mọi người chia nhau, Phùng Văn B đồng ý.

Khoảng 11 giờ, ngày 22-11-2021, Phùng Văn B sử dụng số điện thoại 0368.163.*** gọi cho Vy Văn H (số 0328.449.***) bảo đến tối ngày 22-11-2021 đến sân bóng thuộc thôn B đưa 06 người Trung Quốc xuất cảnh trái phép về Trung Quốc, tiền công là 1.000.000 đồng/khách, khi nào khách đến sẽ báo cho Vy Văn H biết, Vy Văn H đồng ý. Khoảng 11 giờ 30 phút, Phùng Văn B tiếp tục gọi điện cho Đàm Văn N, Vi Văn T đặt vấn đề bảo tối ngày 22-11-2021 đi đưa người Trung Quốc xuất cảnh trái phép từ Việt Nam về Trung Quốc, sẽ được chia tiền công nhưng chưa nói rõ số lượng, cả hai đều đồng ý. Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, Phùng Văn B đến phòng trọ của Trần Xuân H ở thôn N1, xã T cho Trần Xuân H biết có khách Trung Quốc đang có nhu cầu xuất cảnh trái phép về Trung Quốc, bảo Trần Xuân H cùng tham gia, tiền công là 1.000.000 đồng/khách và hẹn Trần Xuân H khoảng 15 giờ 30 phút đến Ngã tư khách sạn K để cùng nhau đưa người xuất cảnh trái phép, Trần Xuân H đồng ý. Sau đó, Mông Văn T gọi điện cho A C hỏi khi nào khách đến thì được biết khoảng 18 - 19 giờ sẽ có người đưa 06 khách đến sân bóng thuộc khu tái định cư B, xã T. Mông Văn T báo lại cho Phùng Văn B biết thời gian, địa điểm đón khách.

Sau khi được Mông Văn T thông báo, Phùng Văn B gọi điện bảo Đàm Văn N chuẩn bị lên khu vực vườn Cam theo hướng đi lên mốc 1092 để trông đường cùng Phùng Văn B, đồng thời bảo Đàm Văn N đưa Vi Văn T đến khu vực sân bóng để trông đường, ngoài ra Phùng Văn B còn cho biết có Vy Văn H và Trần Xuân H cùng tham gia, Đàm Văn N đồng ý và sử dụng xe máy biển kiểm soát 12V1-17*** chở Vi Văn T đến sân bóng rồi bảo Vi Văn T đi bộ theo đường mòn hướng lên mốc 1092 để trông đường. Đàm Văn N cho Vi Văn T biết Vy Văn H sẽ đón khách từ sân bóng đưa lên mốc 1092, Trần Xuân H cũng tham

gia trông đường, còn Đàm Văn N và Phùng Văn B sẽ chờ đón khách ở khu vườn cam. Sau khi liên lạc, Phùng Văn B một mình từ phòng trọ đi bộ đến Ngã tư Khách sạn K gặp Trần Xuân H rồi cùng nhau đi đến khu vực bể nước thuộc thôn N1, xã T, Phùng Văn B bảo Trần Xuân H có nhiệm vụ trông đường ở khu vực này, nếu có lực lượng Biên phòng thì báo cho Phùng Văn B biết, còn Phùng Văn B sẽ đi đến khu vườn cam cách đó khoảng 500m để chờ đón khách. Phùng Văn B cho Trần Xuân H biết việc sẽ có Vy Văn H và Vi Văn T sẽ cùng tham gia đón khách từ sân bóng để đưa khách lên đây, khi nào khách đến sẽ đưa lên vườn cam để cùng nhau đưa xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc theo đường mòn mốc 1092. Sau đó, Phùng Văn B gọi điện cho Vy Văn H bảo khoảng 17 giờ xuống sân bóng để chờ đón khách.

Khoảng 16 giờ, Đàm Văn N lên đến khu vườn cam rồi gọi điện thoại báo cho Phùng Văn B biết và bảo Đàm Văn N đứng ở đó chờ Vi Văn T và Vy Văn H đưa người đến rồi cùng nhau dẫn người lên cho Phùng Văn B. Sau đó, Đàm Văn N bảo Vi Văn T khi nào đón được khách thì báo cho Đàm Văn N biết. Khoảng 17 giờ, Phùng Văn B gọi điện cho Vi Văn T bảo xuống sân bóng gặp Vy Văn H để cùng đón khách đưa lên bể nước, lúc này Phùng Văn B cho Vi Văn T biết tổng tiền công nhận được là 18.000.000 đồng, khi nào xong việc sẽ chia nhau. Phùng Văn B bảo Vy Văn H và Vi Văn T khi nào đón được khách thì thông báo cho Phùng Văn B. Khoảng 19 giờ, A C gọi điện cho Mông Văn T báo khách đã đến sân bóng. Mông Văn T báo lại cho Phùng Văn B biết và bảo Phùng Văn B khi nào giao khách cho bên Trung Quốc thì nhận tiền công từ người đó là 24.000.000 đồng, Phùng Văn B cho Mông Văn T biết việc Vy Văn H đón khách ở sân bóng, bảo Mông Văn T liên lạc với Vy Văn H. Sau đó, Mông Văn T gọi điện cho Vy Văn H báo khách đã đến bảo Vy Văn H đón. Khoảng 20 giờ, Vy Văn H đón được 06 người Trung Quốc đưa đi một đoạn theo đường mòn khoảng 100 mét thì gặp Vi Văn T đang trông đường rồi cả hai cùng đưa 06 người Trung Quốc hướng lên mốc 1092 giao cho Đàm Văn N và Phùng Văn B, khi đi khoảng 03 km Vi Văn T bị đau chân nên nghỉ cạnh đường, còn Vy Văn H tiếp tục đưa khách lên cho Phùng Văn B. Khoảng 21 giờ, Đàm Văn N bị đau bụng nên gọi điện thoại cho Phùng Văn B bảo sẽ về trước và bảo Phùng Văn B cứ đưa khách lên, không có Biên phòng kiểm tra đâu, Đàm Văn N sẽ gọi người khác lên trông đường thay. Nhưng sau đó không bảo người lên trông đường thay Đàm Văn N. Khoảng hơn 21 giờ, Vy Văn H đưa người Trung Quốc đến gần chỗ Phùng Văn B, do những người Trung Quốc mệt nên Đàm Văn N cũng nghỉ chờ. Đến khoảng 22 giờ, Phùng Văn B và Vy Văn H tiếp tục đưa 06 người Trung Quốc hướng biên giới khu vực mốc 1092 để xuất cảnh trái phép về Trung Quốc, còn Trần Xuân H vẫn trông đường ở dưới. Đi được một lúc, còn cách biên giới khoảng 500m thì bị Bộ đội Biên phòng phát hiện, lúc này Vy Văn H bỏ chạy vào rừng, còn Phùng Văn B và 06 người Trung Quốc bị bắt giữ, đưa về trụ sở UBND xã T để lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Bản Cáo trạng số 43/CT-VKSLS-P2 ngày 18-4-2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo Mông Văn T, Phùng Văn B, Trần Xuân H, Vy Văn H, Vi Văn T, Đàm Văn N về tội Tổ chức cho người khác xuất

cảnh trái phép theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa: Các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của bản thân như nội dung cáo trạng truy tố và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về với gia đình và cộng đồng.

Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng V do ông Lý Tuấn A thừa ủy quyền đại diện có ý kiến: Công ty mong nhận lại tài sản là chiếc xe mô tô do Đàm Văn N đã thế chấp để tiến hành thanh lý xe nhằm hoàn tất nghĩa vụ thanh toán của khách hàng. Người đại diện theo ủy quyền có đơn xin xét xử vắng mặt đề nghị Tòa án giải quyết theo văn bản mà Ngân hàng trước đây đã có ý kiến tại cơ quan điều tra.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên bố các bị cáo Mông Văn T, Phùng Văn B, Trần Xuân H, Vy Văn H, Vi Văn T, Đàm Văn N phạm tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Mông Văn T từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù; xử phạt các bị cáo Phùng Văn B, Trần Xuân H, Vy Văn H, Vi Văn T Đàm Văn N từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với 06 bị cáo; tịch thu hóa giá, nộp Ngân sách Nhà nước đối với những chiếc điện thoại các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội; trả lại cho bị cáo Trần Xuân H 01 chiếc điện thoại OPPO màu vàng, trả lại bị cáo Đàm Văn N 01 thẻ Căn cước công dân mang tên bị cáo do không liên quan đến hành vi phạm tội. Trả lại bị cáo Đàm Văn N chiếc xe mô tô Yamaha Jupiter đã tạm giữ do không sử dụng vào việc phạm tội. Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có căn cứ xác định: Vì mục đích vụ lợi, vào hồi 22 giờ 30 phút ngày 22-11-2021, tại đường mòn khu vực mốc 1092 thuộc địa phận thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, các bị cáo Phùng Văn B, Trần Xuân H, Mông Văn T, Vi Văn T, Vy Văn H và Đàm Văn N đã thực hiện hành vi tổ chức cho 06 công dân Trung Quốc xuất

cảnh trái phép từ Việt Nam sang Trung Quốc để nhận tiền công là 24.000.000 đồng, tuy nhiên các bị cáo đang trên đường đưa người xuất cảnh thì bị bắt quả tang, chưa nhận được tiền công. Với hành vi trên, việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo Mông Văn T, Phùng Văn B, Trần Xuân H, Vy Văn H, Vi Văn T, Đàm Văn N phạm tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất nhập cảnh của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và gây mất ổn định xã hội tại địa phương nhất là khu vực biên giới; đặc biệt là trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến phức tạp trong nước cũng như trên thế giới. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được rõ hành vi tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép là vi phạm pháp luật, nhưng vì hám lợi mà vẫn cố ý thực hiện. Chính vì vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo cần được xử lý nghiêm minh đúng theo pháp luật nhằm giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Đây là vụ án hình sự mang tính chất đồng phạm giản đơn: Trong đó bị cáo Mông Văn T là người chủ mưu, tiếp nhận thông tin từ người đàn ông Trung Quốc tên là A C rồi liên lạc Phùng Văn B để bảo Phùng Văn B tìm người cùng tham gia đưa 06 người Trung Quốc xuất cảnh trái phép. Phùng Văn B là người thực hành tích cực, giúp sức cho bị cáo Mông Văn T để thực hiện tội phạm bằng việc rủ Trần Xuân H, Vy Văn H, Vi Văn T và Đàm Văn N cùng tổ chức đưa người Trung Quốc xuất cảnh trái phép, trực tiếp chỉ đạo, phân công nhiệm vụ cho các bị cáo khác. Các bị cáo Vy Văn H, Trần Xuân H, Vi Văn T, Đàm Văn N thực hiện với vai trò giúp sức thứ yếu trong việc đưa đón người.

[5] Về nhân thân: Bị cáo Trần Xuân H tại Bản án hình sự sơ thẩm số 99/2009/HSST ngày 04/12/2009 của Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang bị xử phạt 03 năm tù về tội Cố ý gây thương tích (đã được xóa án tích), được coi là có nhân thân không tốt; bị cáo Vi Văn T tại Quyết định số 30/QĐ-TA ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc 16 tháng (chấp hành xong ngày 05-9-2021, chưa được xóa), được coi là có nhân thân xấu; các bị cáo Mông Văn T, Phùng Văn B, Vy Văn H, Đàm Văn N chưa có tiền án, tiền sự lần đầu phạm tội đều là người có nhân thân tốt.

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Các bị cáo Mông Văn T, Vy Văn H, Vi Văn T sau khi phạm tội đã ra đầu thú. Các bị cáo Mông Văn T, Phùng Văn B, Trần Xuân H, Đàm Văn N thuộc gia đình hộ nghèo và cận nghèo, là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế -

xã hội đặc biệt khó khăn. Ngoài ra, bị cáo Mông Văn T có ông nội là ông Mông Văn N được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang và được Hội đồng Bộ trưởng tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Ba; năm 2017 bố của bị cáo là ông Mông Văn C có hiến đất cho nhà nước để xây dựng trường học. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự các bị cáo được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử cần có mức hình phạt thỏa đáng, phạt tù có thời hạn, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội. Tuy nhiên, cũng cần xem xét vai trò, tính chất mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để giảm nhẹ phần nào hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo.

[8] Về áp dụng hình phạt bổ sung: Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa thể hiện các bị cáo đều là những người làm ruộng và lao động tự do thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng, có bị cáo thuộc diện gia đình nghèo và cận nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] Về áp dụng các biện pháp tư pháp: Trong vụ án này các bị cáo chưa nhận được tiền công nên không truy thu đối với các bị cáo.

[10] Về xử lý vật chứng: Tịch thu, hóa giá, nộp Ngân sách Nhà nước đối với những chiếc điện thoại mà các bị cáo dùng để liên lạc thực hiện hành vi phạm tội. Trả lại cho bị cáo Trần Xuân H 01 chiếc điện thoại OPPO màu vàng, đã qua sử dụng, trả lại cho bị Đàm Văn N 01 thẻ căn cước công dân do không liên quan đến hành vi phạm tội.

[11] Đối với chiếc xe mô tô hiệu YAMAHA Jupiter biển kiểm soát 12V1-17*** màu đen tạm giữ của bị cáo Đàm Văn N, bị cáo khai nhận đã sử dụng xe mô tô này đưa Vi Văn T đến sân bóng thuộc thôn B, xã T để hai người đi đón người khác xuất cảnh trái phép. Tuy nhiên, chiếc xe này không phải bị cáo dùng trực tiếp trong việc chở người Trung Quốc xuất cảnh, nên xác định không liên quan đến tội phạm, cần trả lại cho bị cáo.

[12] Đối với ý kiến của Công ty tài chính TNHH Ngân hàng V về việc xin được nhận lại tài sản thế chấp là chiếc xe mô tô biển kiểm soát 12V1-17***. Việc thế chấp là quan hệ dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Tòa án đã quyết định trả chiếc xe ô tô cho bị cáo như đã nêu trên.

[13] Quá trình đưa vụ án ra xét xử Tòa án xác định Công ty tài chính TNHH Ngân hàng V là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Tuy nhiên, sau khi xét xử, Hội đồng xét xử không Quyết định về quyền lợi của Công ty nên cần xác định Công ty là người tham gia tố tụng khác.

[14] Đối với 06 công dân Trung Quốc xuất cảnh trái phép trong ngày 22-11-2021, Công an tỉnh Lạng Sơn ra Quyết định xử phạt trục xuất theo thủ tục

hành chính. Cùng ngày, Cơ quan An ninh điều tra phối hợp với Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Lạng Sơn và Đồn Biên phòng T đã trục xuất đối tượng theo quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[15] Đối với người đàn ông Trung Quốc tên gọi A C, người liên lạc và đặt vấn đề với Mông Văn T về việc đưa xuất cảnh trái phép 06 người trở về Trung Quốc. Do bị cáo Mông Văn T không biết thông tin cụ thể về danh tính, nơi cư trú. Vì vậy, Cơ quan điều tra không có đủ thông tin để xác minh làm rõ và không có căn cứ thực hiện Ủy thác tư pháp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[16] Đối với các đối tượng đã tổ chức cho 06 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam và tổ chức cho 06 người này đến địa điểm sân bóng B, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 22-11-2021, do 06 người Trung Quốc đều không biết thông tin cụ thể, Cơ quan điều tra không thể xác minh làm rõ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[17] Đối với chiếc điện thoại và sim điện thoại số 0867505***, chiếc điện thoại và số điện thoại 0359490*** mà các bị cáo Vi Văn T, Mông Văn T khai sử dụng vào việc phạm tội nhưng trong khi bỏ trốn đã đánh rơi, không xác định được vị trí rơi, Cơ quan điều tra không thu giữ được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[18] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn, ý kiến nào phù hợp với nhận định trên thì được chấp nhận, ý kiến nào không phù hợp với nhận định trên thì không được chấp nhận.

[19] Về án phí: Các bị cáo Mông Văn T, Phùng Văn B, Trần Xuân H, Đàm Văn N thuộc hộ nghèo, cận nghèo, là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thuộc trường hợp được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm, các bị cáo xin Hội đồng xét xử miễn án phí, nên miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo. Các bị cáo Vy Văn H, Vi Văn T không thuộc trường hợp được miễn án phí, nên Vy Văn H, Vi Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm nộp Ngân sách Nhà nước.

[20] Các bị cáo có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Mông Văn T, Phùng Văn B, Vy Văn H, Vi Văn T, Đàm Văn N, Trần Xuân H.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106, khoản 1, 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Mông Văn T, Phùng Văn B, Trần Xuân H, Vy Văn H, Vi Văn T, Đàm Văn N phạm tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép.

II. Về hình phạt:

1. Xử phạt bị cáo Mông Văn T 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 23-11-2021.

2. Xử phạt bị cáo Phùng Văn B 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 23-3-2021.

3. Xử phạt bị cáo Trần Xuân H 05 (năm) năm. Thời hạn tù được tính từ ngày 23-11-2021.

4. Xử phạt bị cáo Vy Văn H 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 24-11-2021.

5. Xử phạt bị cáo Vi Văn T 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 27-11-2021.

6. Xử phạt bị cáo Đàm Văn N 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 03-12-2021.

III. Về xử lý vật chứng:

1. Tịch thu, hóa giá, nộp ngân sách Nhà nước:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu xanh, đã qua sử dụng. Số IMEI 1: 864415057760170; IMEI 2: 864415057760162 bên trong lắp 02 (hai) sim Viettel.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, đã qua sử dụng. Số sê ri: 350618547731377 bên trong lắp 01 sim Viettel.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, đã qua sử dụng. Số sê ri 357732104121071 bên trong lắp 01 sim Viettel.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, đã qua sử dụng. Số sê ri: 352832053613337 bên trong lắp 01 sim Viettel.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu NOKIA, màu đen, cũ đã qua sử dụng. Số sê ri: 354986520589377, bên trong lắp 01 sim điện thoại.

2. Trả lại cho bị cáo Trần Xuân H: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu vàng, đã qua sử dụng. Số IMEI 1: 867994036594592; IMEI 2: 867994036594584 bên trong lắp 01 sim Viettel.

3. Trả lại cho bị cáo Đàm Văn N:

- 01 (một) thẻ căn cước công dân số 020096005813 mang tên Đàm Văn N do Cục CSQLHC về TTXH – Bộ Công an cấp ngày 24/6/2021.

- 01 (một) xe mô tô hiệu YAMAHA, số loại: Jupiter, biển kiểm soát 12V1 – 17*** màu sơn đen, loại xe: Hai bánh từ 50-175 cm^3, dung tích xi lanh 114, số máy E3S1E149132, số khung: RLCUE1370MY001318, số chỗ ngồi: 2, năm sản xuất 2021, xe cũ đã qua sử dụng (xe không thu giữ được đăng ký xe).

IV. Về án phí:

Các bị cáo Mông Văn T, Phùng Văn B, Trần Xuân H, Đàm Văn N được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Vy Văn H, Vi Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- PV 06, PA 09 CA tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Các bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: VT, Tổ HCTP, THS, HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vi Đức Trí